

Bản án số: 68/2021/HS-ST.

Ngày: 16 - 12 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha.

Ông Hoàng V Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân V Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST- HS ngày 01/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HS ngày 01/12/2021; đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ninh Đức T**, sinh năm 1983; tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; V hóa: 9/12;

Con ông: Ninh V T, sinh năm 1959;

Con bà: Đào Thị H, sinh năm 1959;

Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1989;

Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2018/HS-ST ngày 17/8/2018 của TAND thành phố Bắc Giang xử phạt Ninh Đức T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Đánh bạc”.

- Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2020/HS-ST ngày 14/8/2020 của TAND huyện Tân Yên xử phạt 14 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với hình phạt của bản án số: 103/2018/HS-ST ngày 17/8/2018 của TAND thành phố Bắc Giang, buộc Ninh Đức T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 năm 02 tháng tù.

- Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 01/10/2020 của TAND huyện Yên Dũng xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 02 tháng tù của bản án số: 51/2020/HS-ST ngày 14/8/2020 của TAND huyện Tân Yên, buộc Ninh Đức T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 năm 11 tháng tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý - Bộ công an (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Ninh Đức T:** Bà Ngô Thị Thu và Ông Thị T - Đều là Luật sư, V phòng luật sư Vũ Anh Hùng - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Luật sư Ông Thị T có mặt, Luật sư Ngô Thị Thu vắng mặt).

Địa chỉ: Số 120, đường Hùng Vương, phường Hoàng V Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

***Người bị hại:**

1. Ông Nguyễn T C, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà 97, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh B;

2. Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu B, xã T, thành phố B, tỉnh B;

3. Ông Nguyễn V S, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 19, đường C, phường L, thành phố B, tỉnh B;

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh NLQ1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã D, thành phố B, tỉnh B.

2. Anh NLQ2, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

3. Ông NLQ3, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B.

4. Anh NLQ4, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: số 59, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh B.

5. Anh NLQ5, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B.

6. Anh NLQ6, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: xóm S, xã Q, thành phố T, tỉnh T.

7. Anh NLQ7, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, thị xã P, tỉnh T.

8. Anh NLQ8, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện Đ, tỉnh T.

9. Chị NLQ9, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn S, xã S, TP. B, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ninh Đức T, sinh năm 1983 trú tại thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh B có thời gian chạy xe ô tô dịch vụ chở khách. Do vậy thỉnh thoảng có những khách quen gọi cho T hợp đồng chở theo yêu cầu. Từ ngày 20/01/2020 đến ngày 22/11/2020, T đã nhiều lần hợp đồng thuê xe ô tô tự lái để chở khách và phục vụ công việc cá nhân. Sau khi sử dụng một thời gian, T đã đem đi thế chấp xe ô tô cho người khác để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bằng thủ đoạn nêu trên, T đã chiếm đoạt được 04 chiếc xe ô tô tổng trị giá là 700.000.000 đồng cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt xe ô tô loại Lacettise, nhãn hiệu Daewoo, màu đen BKS 98A-085.81 trị giá 100.000.000 đồng của ông Nguyễn T C, sinh năm 1959 ở số nhà 97, đường T phường L, thành phố B:

Ngày 20/01/2020, T đến nhà ông Nguyễn T C để thuê xe ô tô tự lái. T ký hợp đồng thuê xe ô tô BKS 98A-085.81 trong thời hạn 15 ngày với giá là 500.000 đồng/ 01 ngày. T sử dụng xe vào công việc cá nhân và trả tiền thuê xe cho ông C theo thỏa thuận nên khi hết thời hạn theo hợp đồng, ông C đồng ý cho T tiếp tục thuê xe. T có vài lần điều khiển xe đến nhà ông C để kiểm tra và trả tiền thuê xe. Sau khi sử dụng một thời gian, T nảy sinh ý định đem xe ô tô đi thế chấp vay tiền. Khoảng cuối tháng 02/2020, T thế chấp chiếc xe ô tô này cho NLQ1, sinh năm 1989 ở thôn Riều, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang để vay 50.000.000 đồng lấy tiền chi tiêu. T nói với anh Cường chiếc xe ô tô này là của T. Hai bên không viết giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau thời hạn vay là 07 ngày, khi nào trả tiền chuộc xe thì thỏa thuận lãi xuất. Sau khi thế chấp xe, T vẫn tiếp tục trả tiền thuê xe cho ông C và nói dối là T vẫn đang sử dụng, bảo dưỡng xe đầy đủ. Cuối năm 2020, ông C không thấy T trả tiền thuê xe và không liên lạc được với T nên đi tìm hiểu thì biết T đã đi chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý nên ông C làm đơn tố giác.

Anh NLQ1 sử dụng xe ô tô để đi lại đến tháng 12/2020 thì giao xe cho anh NLQ4, sinh năm 1983 ở số nhà 59, đường L phường X, thành phố B nhờ quản lý hộ. Sau khi biết xe ô tô là vật chứng của vụ án nên ngày 11/01/2021 anh Cường đã nhờ anh Thạch giao nộp xe ô tô cho Công an thành phố Bắc Giang để điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Daewoo, màu đen BKS 98A-085.81 trị giá là 100.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, màu đen BKS 98A-169.42 trị giá 200.000.000 đồng của Nguyễn Việt A, sinh năm 1995 ở khu B, xã T, thành phố B:

Ngày 01/5/2020, T đến nhà Nguyễn Việt A để thuê xe ô tô tự lái. Do hết xe ô tô để cho thuê nên A đã đến nhà ông Nguyễn V S, sinh năm 1972 ở số nhà 19, đường C, phường L, thành phố B (là người quen cùng kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái) để mượn

xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, màu đen BKS 98A-169.42 rồi đi về nhà. Sau đó, A cho T thuê lại chiếc xe ô tô trên. T ký hợp đồng thuê xe ô tô trong thời hạn từ ngày 01/5/2020 đến ngày 14/5/2020 với giá là 600.000 đồng/ 01 ngày. T đem xe về sử dụng và trả tiền thuê xe theo thỏa thuận. Khi hết thời hạn thuê xe theo hợp đồng, T đề N1 tiếp tục thuê xe thì được A đồng ý.

Khoảng cuối tháng 5/2020, T thế chấp chiếc xe ô tô trên cho ông NLQ2, sinh năm 1970 ở thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh B vay 200.000.000 đồng, T nói là xe ô tô của T do cần tiền nên muốn để lại xe làm tin nên ông V đồng ý. T có viết cho ông V giấy biên nhận nhưng ông V đã làm mất giấy biên nhận này. Sau khi thế chấp xe thì T vẫn trả tiền thuê xe cho A theo thỏa thuận và nói dối là T vẫn đang sử dụng xe.

Sau khi nhận thế chấp, ông V đem xe ô tô đến gửi ở nhà ông NLQ3, sinh năm 1964 ở xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa. Ông N giao xe cho con trai là NLQ5, sinh năm 1993 quản lý, sử dụng (được sự đồng ý của ông V). Quá trình sử dụng, NLQ5 gửi xe ở nhà bạn là NLQ6, sinh năm 1993 ở xóm S, xã Q, thành phố T. Cuối năm 2020, A không thấy T trả tiền thuê xe và biết T đã đi chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý nên thông báo cho ông S biết sự việc. Lúc này, ông S mới biết A mượn xe để cho T thuê. Ngày 11/01/2021 qua hệ thống định vị, A phát hiện xe ô tô ở nhà anh NLQ6 nên đã trình báo Công an xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên và Công an thành phố Bắc Giang tạm giữ xe để điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, màu đen BKS 98A-169.42 trị giá là 200.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, màu đen BKS 98A-073.22 trị giá 100.000.000 đồng của ông Nguyễn V S, sinh năm 1972 ở Số nhà 19, đường C, phường L, thành phố B:

Buổi sáng ngày 26/9/2020, T cùng với vợ là NLQ9 đến nhà ông Nguyễn V S thuê xe ô tô để đi ăn cưới bạn ở thành phố Hải Dương. Chị C1 viết hợp đồng thuê xe rồi cùng T ký tên vào hợp đồng này. T thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic BKS 98A-073.22 của ông S trong thời hạn từ 26/9/2020 đến ngày 01/10/2020 với giá là 500.000 đồng/ 01 ngày. Ông S giao cho T xe ô tô kèm theo phôi ô tô giấy đăng ký, đăng kiểm. T sử dụng xe cùng chị C1 đi thành phố Hải Dương để ăn cưới. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đưa chị C1 về nhà và nói là đi trả xe cho ông S. Tuy nhiên, T không trả xe mà tiếp tục sử dụng để đi lại.

Ngày hôm sau do không có tiền chi tiêu, T đem xe đến thế chấp cho ông NLQ2 vay 100.000.000 đồng. T nói với ông V là xe của T do cần tiền nên muốn để lại xe làm tin để vay tiền nên ông V đồng ý. T có viết giấy biên nhận nhưng ông V đã làm thất lạc giấy biên nhận này. Sau khi nhận thế chấp xe ô tô, ông V đem xe đến gửi anh NLQ7, sinh năm 1972 ở X, xã Đ, thị xã P, tỉnh T quản lý, sử dụng.

Sau khi thế chấp xe thì T vẫn trả tiền thuê xe cho ông S theo thỏa thuận và nói dối là T vẫn đang sử dụng xe nên ông S tin tưởng tiếp tục cho thuê. Cuối năm 2020, ông S không thấy T trả xe và biết thông tin T đã đi chấp hành án ở Trại giam Ngọc Lý. Qua hệ thống định vị, ông S đi tìm thì phát hiện xe ô tô đang ở lề đường thuộc xóm C, xã Đ, thị xã P, tỉnh T không có ai trông giữ nên tự đem xe về và giao nộp cho Công an thành phố Bắc Giang để điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Honda, màu đen BKS 98A-073.22 trị giá là 100.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning màu trắng BKS 98A-331.82 trị giá 300.000.000 đồng của ông Nguyễn T C, sinh năm 1959, ở Số nhà 97 đường T, phường L, thành phố B:

Buổi sáng ngày 22/11/2020, T đến nhà ông Nguyễn T C để thuê xe ô tô do có khách gọi chở thuê. T nói với ông C là xe ô tô BKS 98A-085.81 (thuê trước đó) đã cho bạn mượn, do có việc cần nên thuê xe khác. Ông C đồng ý cho T thuê xe. T viết hợp đồng thuê xe ô tô BKS 98A-331.82 trong thời hạn một ngày với giá 600.000 đồng. Ông C giao xe cho T cùng phôi tờ đăng ký, đăng kiểm của xe. T sử dụng xe ô tô này chở khách. Ngày hôm sau do không có tiền chi tiêu, T nảy sinh ý định đem xe ô tô đi thế chấp vay tiền. Do không biết địa điểm thế chấp xe nên T đã nhờ bạn là NLQ8, sinh năm 1994 ở xã V, huyện Đ, tỉnh T và Nguyễn V B, sinh năm 1978 ở xã Đ, thành phố B cùng đem xe ô tô đến nhà ông NLQ3 để vay tiền. Khi đến nhà ông N, T chờ ở ngoài còn B và N1 đem xe vào thế chấp. Do ông N quen biết và tin tưởng anh B nên đồng ý nhận thế chấp xe, N1 là người viết giấy biên nhận vay tiền 110.000.000 đồng. Ông N giao tiền cho B và N1 sau đó B và N1 giao số tiền này cho T.

Hết hạn hợp đồng nhưng không thấy T trả xe nên ông C tự đi tìm hiểu thì biết T đã thế chấp xe ô tô cho ông N. Ông C đã đến nhà ông N thỏa thuận chuộc xe với số tiền là 30.000.000 đồng. Ông N giao xe ô tô cho ông C cùng “Giấy vay tiền” mà N1 viết lúc thế chấp xe. Ông C đã giao nộp giấy vay tiền này cho Cơ quan điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Kia màu trắng BKS 98A-331.82 trị giá là 300.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Giang đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên các hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái ngày 20/01/2020 và ngày 22/11/2020 giữa Ninh Đức T và Nguyễn T C; Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái ngày 01/5/2020 giữa Ninh Đức T và Nguyễn Việt A; Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái giữa Ninh Đức T với Nguyễn V S.

Bản kết luận giám định số 327 ngày 23/02/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ninh Đức T dưới các mục “Bên B”, “Đại diện bên B” trên các hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái nêu trên là chữ ký, chữ viết của Ninh Đức T.

Bản kết luận giám định số 874 ngày 26/5/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên “Giấy vay tiền” mà N1 viết cho ông N khi cùng T đến thế chấp xe ô tô BKS 98A-331.82 là của NLQ8.

Bản kết luận giám định bổ sung số 1060 ngày 30/6/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ở phần nội dung hợp đồng và phía dưới phần “Bên A” trên hợp đồng thuê xe ô tô ngày 20/01/2020 và ngày 22/11/2020 giữa Ninh Đức T và Nguyễn T C là chữ viết, chữ ký của Nguyễn T C.

- Chữ ký ở phía dưới phần “Đại diện bên A” trên hợp đồng thuê xe ô tô ngày 26/9/2020 giữa Ninh Đức T - NLQ9 và Nguyễn V S là chữ ký của Nguyễn V S.

- Chữ viết “C1 - NLQ9” trên hợp đồng thuê xe ô tô ngày 26/9/2020 giữa Ninh Đức T - NLQ9 và Nguyễn V S là chữ viết của NLQ9.

- Không kết luận giám định chữ ký mang tên Nguyễn Việt A dưới mục “Đại diện bên A” trên tài liệu cần giám định do chữ ký cần giám định đơn giản, ít đặc điểm truy nguyên cá biệt.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Ninh Đức T khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Về xử lý vật chứng: Ngày 26/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Giang trả lại các xe ô tô đã thu giữ cho các chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T C và ông Nguyễn V S không có yêu cầu bồi thường. Nguyễn Việt A yêu cầu Ninh Đức T phải trả 40.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô và chi phí đi tìm xe. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh NLQ1 yêu cầu T trả 50.000.000 đồng; ông NLQ3 yêu cầu T trả 110.000.000 đồng; ông NLQ2 yêu cầu T trả 300.000.000 đồng. Đến nay, bị can T chưa trả tiền cho những người nêu trên.

Bản cáo trạng số: 63/CT-VKS-P2 ngày 28/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Ninh Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ninh Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ninh Đức T từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Tổng hợp với hình phạt: Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự; tổng hợp hình phạt 03 năm 11 tháng tù của bản án số: 53/2020/HS-ST ngày 01/10/2020 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; buộc Ninh Đức T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 16 năm 11 tháng tù đến 17 năm 11 tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 01/12/2020 (được trừ số ngày đã tạm giữ từ ngày 07/9/2017 đến ngày 15/9/2017; từ ngày 23/11/2019 đến ngày 02/12/2019 và từ ngày 21/02/2020 đến ngày 26/02/2020).

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 589 BLDS;

Buộc bị cáo Ninh Đức T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh NLQ1 50.000.000 đồng; ông NLQ2 300.000.000 đồng; ông NLQ3 110.000.000 đồng; anh Nguyễn Việt A 40.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự và Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư Ong Thị T bào chữa cho bị cáo Ninh Đức T phát biểu luận cứ: Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố đối với bị cáo Ninh Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự, là có căn cứ. Tuy nhiên về tình tiết tăng nặng, bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề N1áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo Ninh Đức T là không có căn cứ, bởi lẽ: Số tài sản 04 lần bị cáo chiếm đoạt với giá trị tổng là 700.000.000 đồng. Bị cáo chiếm đoạt 04 lần chưa có lần nào tài sản có trị giá trên 500.000.000 đồng. Do vậy, số tiền bị cáo bị truy tố là tình tiết định khung nên không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo Ninh Đức T chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị trên mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, đề N1Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt là 12 năm tù.

Bị cáo Ninh Đức T nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không tranh luận gì thêm.

* Người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh NLQ4, chị NLQ9 có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp: Viện kiểm sát đề N1áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Ninh Đức T là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ vì bị cáo 04 lần thực hiện hành vi phạm tội, do vậy không có căn cứ chấp nhận lời bào chữa của Luật sư. Do bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Viện kiểm sát đề

xuất mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Các bên không ai tranh luận gì thêm, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Ninh Đức T: Đề N1Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Ninh Đức T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 20/01/2020 đến ngày 22/11/2020, Ninh Đức T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Song Khê 1, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nhiều lần thuê xe ô tô tự lái để chở khách và phục vụ công việc cá nhân. Sau khi thuê xe sử dụng một thời gian, T đã đem đi thế chấp cho người khác để lấy tiền. Bằng thủ đoạn nêu trên, T đã chiếm đoạt của ông Nguyễn T C xe ô tô BKS 98A-085.81 và xe ô tô BKS 98A-331.82; chiếm đoạt của Nguyễn Việt A xe ô tô BKS 98A-169.42 và chiếm đoạt của ông Nguyễn V S xe ô tô BKS 98A-073.22. Tổng giá trị tài sản mà T đã chiếm đoạt là 700.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 63/CT-VKS-P2 ngày 28/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa đã truy tố và luận tội bị cáo Ninh Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự; là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Ninh Đức T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, bị dư luận và quần chúng nhân dân đặc biệt lên án. Vì vậy, việc xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo là cần thiết.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Ninh Đức T thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Ninh Đức T có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Ninh Đức T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Ninh V Thuận là thương binh loại B hạng $\frac{3}{4}$ (mất sức 41%). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Ninh Đức T đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và phải buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành con người biết tuân thủ pháp luật và là công dân có ích cho xã hội và phục vụ cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Do bị cáo Ninh Đức T đang chấp hành hình phạt 03 năm 11 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang về tội danh “Đánh bạc”. Do vậy, căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với hình phạt của bản án này.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Ninh Đức T hiện tại khó khăn về kinh tế, hiện đang cải tạo tại trại giam Ngọc Lý - Bộ Công an về tội phạm khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Ninh Đức T đề N1 không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo Ninh Đức T bởi vì bị cáo bị truy tố với tổng số tiền chiếm đoạt trị giá là 700.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và các lần bị cáo chiếm đoạt chưa lần nào tài sản có giá trị 500.000.000 đồng trở lên. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo được, bởi lẽ: Bị cáo Ninh Đức T thực hiện 04 lần hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản mà mỗi lần phạm tội tài sản bị cáo T chiếm đoạt đã đủ cấu thành cơ bản

của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề N1áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Ninh Đức T là có căn cứ. Do bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Viện kiểm sát đề xuất mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Ninh Đức T từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3 là những người nhận cầm cố xe ô tô nhưng đều không biết những xe ô tô đó là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Các anh NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 là những người trông giữ xe hộ, các anh đều không biết những xe ô tô đó là do T phạm tội mà có; NLQ8 là người đem xe đi cầm cố hộ T nhưng không biết xe ô tô đó là do T phạm tội mà có. Nguyễn V B là người đem xe đi cầm cố hộ T, hiện B đang bị Công an thành phố Bắc Giang truy nã trong vụ án khác nên chưa lấy được lời khai. Bị cáo T khai B không biết về nguồn gốc xe ô tô nên Cơ quan điều tra kết luận không có căn cứ để xử lý đối với B. Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ nên không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn T C và ông Nguyễn V S là người bị hại không yêu cầu bị cáo Ninh Đức T phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người bị hại anh Nguyễn Việt A yêu cầu Ninh Đức T phải trả 40.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô và chi phí đi tìm xe. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh NLQ1 yêu cầu T trả 50.000.000 đồng; ông NLQ3 yêu cầu T trả 110.000.000 đồng; ông NLQ2 yêu cầu T trả 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề N1bị cáo Ninh Đức T phải T toán trả số tiền trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần buộc bị cáo Ninh Đức T phải bồi thường số tiền mà người bị hại cũng như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 N1quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc Hội, bị cáo Ninh Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Ninh Đức T 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 03 năm 11 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Ninh Đức T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 17 (Mười bảy) năm 11 (Mười một) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 01/12/2020 (Theo Quyết định thi hành án phạt tù số 07/2021/QĐ - CA ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang). Bị cáo Ninh Đức T được trừ những ngày đã bị tạm giữ từ ngày 07/9/2017 đến ngày 15/9/2017; từ ngày 23/11/2019 đến ngày 02/12/2019 và từ ngày 21/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

2.Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Ninh Đức T phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- Bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Việt A 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền thuê xe ô tô và chi phí đi tìm xe.

- Bồi thường cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- + Anh NLQ1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- + Ông NLQ3 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

- + Ông NLQ2 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 N1quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Ninh Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Gia Lương